

Số: /QĐ-PB

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành hướng dẫn triển khai thực hiện Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia

CỤC TRƯỞNG CỤC PHÒNG BỆNH

Căn cứ Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh;

Căn cứ Thông tư số 13/2026/TT-BYT ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về hoạt động tiêm chủng;

Căn cứ Quyết định số 734/QĐ-BYT ngày 04/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng bệnh thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 3421/QĐ-BYT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý tiêm chủng quốc gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Hướng dẫn triển khai thực hiện Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia” theo quy định tại Thông tư số 13/2026/TT-BYT ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về hoạt động tiêm chủng, bao gồm:

1. Hướng dẫn triển khai thực hiện Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia theo quy định tại khoản 8 Điều 25 Thông tư số 13/2026/TT-BYT. Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Hướng dẫn kết nối, chia sẻ và liên thông dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của cơ sở y tế và Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia theo quy định tại khoản 7 Điều 15 Thông tư số 13/2026/TT-BYT. Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các phòng thuộc Cục Phòng bệnh; Viện trưởng các Viện Vệ sinh dịch tễ, Viện Pasteur trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế; Thủ trưởng cơ quan quản lý về y tế thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng; Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố; Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật cấp tỉnh; Giám đốc Trạm Y tế cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Cục Phòng bệnh để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BT. Đào Hồng Lan (để báo cáo);
- Các Đ/c Thứ trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng;
- Các Vụ, Cục, Văn phòng thuộc Bộ Y tế;
- Cục Quân Y, Bộ Quốc phòng;
- Cục Y tế, Bộ Công an;
- Lưu: VT, QLTC.

CỤC TRƯỞNG

Hoàng Minh Đức

Phụ lục I
HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
HỆ THỐNG QUẢN LÝ THÔNG TIN TIÊM CHỦNG QUỐC GIA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PB ngày tháng năm 2026
của Cục trưởng Cục Phòng bệnh)

I. HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ TÀI KHOẢN HỆ THỐNG QUẢN LÝ THÔNG TIN TIÊM CHỦNG QUỐC GIA (NIIS)

1. Nguyên tắc thực hiện

1.1. Cục Phòng bệnh quản lý tài khoản quản trị hệ thống; tạo lập, cung cấp và thu hồi tài khoản các đơn vị.

1.2. Các Viện Vệ sinh dịch tễ/Pasteur được cấp 01 tài khoản và thực hiện quản lý tài khoản các đơn vị tuyến dưới trong khu vực quản lý.

1.3. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế; Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Y tế bộ, ngành; cơ sở y tế công lập tuyến tỉnh, khu vực, xã; cơ sở y tế tư nhân (bệnh viện, phòng khám), cơ sở tiêm chủng dịch vụ được cấp 01 tài khoản sử dụng. Sở Y tế hoặc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (được ủy quyền của Sở Y tế bằng văn bản) có trách nhiệm quy định và thực hiện việc cung cấp, thu hồi tài khoản cho các đơn vị trên địa bàn.

1.4. Trường hợp có thay đổi đơn vị hành chính trong danh mục đơn vị hành chính Việt Nam hoặc thành lập mới, sáp nhập cơ sở y tế: Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế, Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần gửi văn bản cho các Viện Vệ sinh dịch tễ/Pasteur và đề tạo lập hoặc thu hồi tài khoản.

1.5. Quản lý tài khoản đơn vị

a) Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý tài khoản và bàn giao tài khoản cho cá nhân có trách nhiệm của đơn vị quản lý, sử dụng.

b) Đơn vị, cá nhân sau khi nhận tài khoản, có trách nhiệm đổi mật khẩu ban đầu ngay sau khi được cung cấp và quản lý mật khẩu mới.

c) Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm cấp lại mật khẩu cho các đơn vị trong phạm vi quản lý.

2. Quản lý tài khoản và phân quyền

2.1. Tạo lập, cấp và thu hồi tài khoản:

a) Cục Phòng bệnh tạo lập, cung cấp, thu hồi tài khoản cho các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế: Trung tâm Thông tin Quốc gia; Cục Quản lý Dược; Cục Quản lý Khám, chữa bệnh; Cục Bà mẹ - Trẻ em; Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương; Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên; Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh; Viện Pasteur Nha Trang; Viện Dinh dưỡng và Sở Y tế (hoặc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật cấp tỉnh nếu có văn bản ủy quyền của Sở Y tế) theo quy chuẩn sau:

- Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương: có 02 tài khoản, gồm:

+ Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương – Văn phòng Chương trình tiêm chủng quốc gia => Tên đăng nhập: vien_vsdtw.

+ Tiêm chủng mở rộng miền Bắc => Tên đăng nhập: kv_mienbac.

- Các Viện Vệ sinh dịch tễ/ Pasteur khu vực - Tiêm chủng mở rộng khu vực: có 01 tài khoản, gồm: kv_tên khu vực (Ví dụ: Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên => Tên đăng nhập: kv_taynguyen).

- Tuyển tỉnh: có 02 tài khoản, gồm:

+ Sở Y tế: syt_tên tỉnh/thành phố (Ví dụ: Sở Y tế thành phố Hà Nội => Tên đăng nhập: syt_hanoi).

+ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh: tên tỉnh/thành phố (Ví dụ: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh thành phố Hà Nội => Tên đăng nhập: hanoi).

b) Sở Y tế hoặc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (được ủy quyền của Sở Y tế bằng văn bản) có trách nhiệm quy định và thực hiện việc cung cấp, thu hồi tài khoản cho các đơn vị trên địa bàn (trừ các đơn vị tuyển tỉnh đã được cấp) theo quy chuẩn sau:

- Tuyển xã: có 01 tài khoản, gồm:

Tên tỉnh/thành phố viết tắt _tên xã/phường.

Ví dụ: Trạm Y tế phường Quang Trung, thành phố Hà Nội => Tên đăng nhập hn_quangtrung.

- Cơ sở khám, chữa bệnh có phòng sinh: Tên tỉnh/thành phố viết tắt _bv_ tên đơn vị.

Ví dụ: Bệnh viện đa khoa khu vực Hoài Đức, thành phố Hà Nội => Tên đăng nhập: hn_bv_dkkvhoaiduc.

- Các cơ sở y tế được thực hiện tiêm chủng tự nguyện: Tên tỉnh/thành phố viết tắt _dv_ tên đơn vị.

Ví dụ: Phòng tiêm dịch vụ Bệnh viện đa khoa Trảng An, thành phố Hà Nội => Tên đăng nhập: hn_dv_bvdktangan.

c) Một số trường hợp đặc biệt như tên đơn vị, tên xã trùng nhau..., tài khoản của đơn vị sẽ do Sở Y tế hoặc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật cấp tỉnh (được ủy quyền của Sở Y tế) cung cấp.

2.2. Mật khẩu ban đầu được cung cấp bởi các đơn vị phân cấp.

2.3. Quản lý tài khoản:

a) Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm tiếp nhận, phân cấp, quản lý tài khoản và bàn giao tài khoản bằng văn bản cho cá nhân có trách nhiệm của đơn vị quản lý, sử dụng.

b) Tổ chức, cá nhân sau khi nhận tài khoản, có trách nhiệm đổi mật khẩu ban đầu ngay sau khi được cung cấp và có trách nhiệm quản lý mật khẩu mới.

c) Trường hợp mất mật khẩu, thay đổi thông tin tài khoản, thông tin đơn vị cần gửi văn bản cho đơn vị cung cấp tài khoản.

d) Trong trường hợp tổ chức, cá nhân không sử dụng tài khoản (trong vòng 06 tháng liên tiếp không truy cập vào Hệ thống), đơn vị cấp tài khoản có trách nhiệm khóa tài khoản của tổ chức, cá nhân đó.

2.4. Phân quyền:

a) Cán bộ tuyến cơ sở: Chỉ có quyền "Thêm mới", "Cập nhật" và "Xem" dữ liệu trong phạm vi địa bàn mình phụ trách. Có thể "Xem" dữ liệu ngoài địa bàn khi thực hiện tìm kiếm nâng cao đối tượng để chuyển đối tượng về địa bàn mình quản lý hoặc tìm kiếm nhập bổ sung đối tượng ngoài địa bàn vào kế hoạch tiêm chủng khi đối tượng vắng lai đến tiêm chủng. Có quyền xem báo cáo toàn đơn vị, tổng hợp báo cáo, gửi báo cáo lên tuyến trên, quản lý kho vắc xin - vật tư tại đơn vị.

b) Cán bộ tuyến tỉnh: Chỉ có quyền "Xem" dữ liệu trong phạm vi địa bàn mình phụ trách. Có quyền xem báo cáo tuyến dưới, tổng hợp báo cáo toàn đơn vị, gửi báo cáo tuyến trên, quản lý kho vắc xin - vật tư theo cấp đơn vị. Chịu trách nhiệm cấu hình giới hạn truy cập các chức năng trên hệ thống cho tài khoản tuyến dưới.

c) Cán bộ tiêm chủng mở rộng tuyến khu vực: Chỉ có quyền "Xem" dữ liệu trong phạm vi địa bàn mình phụ trách. Có quyền xem báo cáo tuyến dưới, tổng hợp báo cáo toàn đơn vị, gửi báo cáo tuyến trên, quản lý kho vắc xin - vật tư theo cấp đơn vị.

d) Cán bộ tuyến quốc gia: Chỉ có quyền "Xem" dữ liệu trong phạm vi địa bàn mình phụ trách. Có quyền xem báo cáo tuyến dưới, tổng hợp báo cáo toàn đơn vị, gửi báo cáo tuyến trên, quản lý kho vắc xin - vật tư theo cấp đơn vị. Chịu trách nhiệm cấu hình giới hạn truy cập các chức năng trên hệ thống cho tài khoản tuyến dưới.

đ) Cán bộ quản trị (Admin): Chỉ có quyền cấu hình hệ thống, quản lý danh mục, nhưng không được can thiệp vào nội dung dữ liệu nghiệp vụ nếu không có văn bản yêu cầu.

II. HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THU THẬP, CẬP NHẬT, CHỈNH SỬA VÀ KIỂM TRA, PHỤC TRÁ CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ BẢO MẬT AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN HỆ THỐNG QUẢN LÝ THÔNG TIN TIÊM CHỨNG QUỐC GIA (NIIS)

1. Nguyên tắc thực hiện

1.1. Tính pháp lý và chính xác: Thông tin khi thu thập, cập nhật vào cơ sở dữ liệu (viết tắt là CSDL) của Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia phải bảo đảm tính pháp lý (có căn cứ từ văn bản nhà nước, quyết định xếp hạng, giấy phép...) và đảm bảo tính chính xác. Nghiêm cấm việc nhập liệu dựa trên phỏng đoán hoặc thông tin chưa được kiểm chứng.

1.2. Tính kịp thời và liên tục: Mọi biến động về thông tin phải được cập nhật vào hệ thống ngay khi phát sinh hoặc trong thời hạn quy định. Không để xảy ra tình trạng "độ trễ" dữ liệu làm ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, điều hành.

1.3. An toàn và bảo mật: Quá trình thu thập, cập nhật phải tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn an ninh mạng.

1.4. Cá thể hóa trách nhiệm: Mỗi trường thông tin được nhập vào hệ thống phải gắn với định danh của một cán bộ cụ thể. Cán bộ nhập liệu và lãnh đạo phê duyệt phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu đó.

2. Tiêu chí thực hiện:

Dữ liệu trong CSDL Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia thuộc Bộ Y tế phải bảo đảm các tiêu chí chất lượng: Đúng - Đủ - Sạch - Sóng - Thống nhất - Dùng chung, cụ thể:

2.1. Đúng: Dữ liệu phải chính xác tuyệt đối, phản ánh đúng thực trạng và có căn cứ pháp lý. Thông tin thu thập được cần khớp với giấy tờ nguồn (quyết định, giấy phép, văn bản pháp lý...).

2.2. Đủ: Dữ liệu phải đầy đủ các trường thông tin bắt buộc theo quy định nghiệp vụ. Hồ sơ nào yêu cầu những thông tin cốt lõi nào thì khi nhập liệu phải có đủ những thông tin đó. Không để trống các trường dữ liệu tối quan trọng. Trong phiếu thu thập thông tin chuyên ngành, phải bao gồm các trường thông tin bắt buộc (core data) và bảo đảm tất cả các trường này được kê khai.

2.3. Sạch: Dữ liệu phải tin cậy và không có lỗi. “Sạch” nghĩa là không trùng lặp, không mâu thuẫn, không sai logic. Mỗi đối tượng quản lý chỉ được có một bản ghi duy nhất trong CSDL (tránh tình trạng một đối tượng nhập hai lần). Đồng thời, dữ liệu phải phù hợp logic nghiệp vụ. Trong quá trình kiểm tra dữ liệu, các lỗi như dữ liệu trùng lặp, thiếu thông tin hoặc phi logic đều phải được phát hiện và xử lý.

2.4. Sóng: Dữ liệu phải “sóng” tức là luôn được cập nhật kịp thời, đồng bộ với thực tế. Một bộ dữ liệu dù ban đầu đúng và đủ nhưng nếu không được cập nhật thường xuyên thì sẽ trở nên “chết”, mất giá trị. Do đó cần bảo đảm mọi biến động thực tế được phản ánh vào hệ thống trong thời gian ngắn nhất. Bộ Công an nhấn mạnh rằng tạo lập dữ liệu đã khó, nhưng duy trì nuôi dưỡng dữ liệu còn khó hơn nhiều - dữ liệu dân cư quốc gia luôn được cập nhật thường xuyên từ cơ sở để bảo đảm tính “sóng”.

2.5. Thống nhất: Đây là tiêu chí mở rộng thêm nhằm bảo đảm tính đồng bộ trên toàn hệ thống dữ liệu. Thống nhất có nghĩa là dữ liệu được thu thập và quản lý theo cùng một tiêu chuẩn, quy tắc trên phạm vi toàn quốc. Các định danh, mã số, danh mục dùng trong dữ liệu phải thống nhất giữa bộ, ban, ngành và địa phương phương, tránh tình trạng mỗi nơi một kiểu. Việc chuẩn hóa và đồng bộ dữ liệu từ trung ương đến địa phương là yêu cầu then chốt để bảo đảm tính thống nhất.

2.6. Dùng chung: Tiêu chí này nhấn mạnh khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống, hướng tới một lần thu thập, nhiều lần sử dụng. Dữ liệu “dùng chung” đồng nghĩa với việc các đơn vị có thể khai thác dữ liệu của nhau một cách hợp pháp, an toàn, giảm thiểu việc mỗi nơi tự thu thập lại cùng một thông tin. Chính phủ yêu cầu các hệ thống dữ liệu phải sẵn sàng kết nối, chia sẻ theo thời gian thực khi cần.

2.7. Đồng bộ, xuyên suốt: Đây là tiêu chí mở rộng thêm nhằm bảo đảm cho các quy trình, dữ liệu, biểu mẫu và tài liệu được xây dựng và cập nhật thống nhất giữa các đơn vị tham gia. Thông tin được truyền đạt liền mạch, có cơ chế kiểm soát và rà soát thường xuyên nhằm hạn chế tối đa việc đứt đoạn hoặc sai lệch do thay đổi nhân sự hay khối lượng công việc tăng. Quy trình phối hợp được quy định rõ ràng, tránh chồng chéo nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả điều phối và giảm thời gian xử lý. Việc duy trì tính thống nhất từ đầu vào đến đầu ra giúp bảo đảm chất lượng báo cáo, hỗ trợ quá trình ra quyết định và góp phần vận hành ổn định, mạch lạc từ đầu đến cuối.

3. Nguyên tắc về quy trình thu thập, tạo lập dữ liệu

Trong quy trình thu thập dữ liệu ban đầu, các bước thực hiện cần được thiết kế đáp ứng đầy đủ 6 tiêu chí chất lượng dữ liệu nói trên. Cụ thể, khi thu thập, cán bộ thu thập và đơn vị liên quan phải tuân thủ:

3.1. Đúng: Thu thập thông tin từ nguồn chính thống và đáng tin cậy. Cán bộ thu thập cần đối chiếu dữ liệu với giấy tờ pháp lý gốc (mã số định danh /CCCD của cá nhân...) để bảo đảm thông tin nhập vào CSDL Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia chính xác tuyệt đối, không sai lệch so với thực tế.

3.2. Đủ: Bảo đảm thu thập đầy đủ tất cả các trường thông tin theo biểu mẫu quy định. Mỗi đối tượng quản lý phải có đủ thông tin bắt buộc trong phiếu thu thập; không bỏ sót hạng mục nào, giúp hồ sơ dữ liệu hoàn chỉnh ngay từ ban đầu.

3.3. Sạch: Ngay trong quá trình thu thập, loại bỏ các dữ liệu sai hoặc trùng lặp.

3.4. Sóng: Tiên hành thu thập kịp thời ngay khi có đối tượng mới hoặc sự kiện phát sinh. Không chờ đợi tích lũy quá lâu mới cập nhật, tránh để dữ liệu bị “độ trễ”. Điều này giúp thông tin luôn mới nhất (sóng).

3.5. Thống nhất: Sử dụng biểu mẫu và quy trình thống nhất trên toàn quốc khi thu thập. Mọi dữ liệu đầu vào phải theo cấu trúc chung đã ban hành (các mã danh mục, đơn vị đo lường, thuật ngữ... đều thống nhất). Nhờ đó, dữ liệu từ nhiều địa phương, đơn vị khác nhau có thể kết hợp hài hòa trong hệ thống tập trung mà không bị xung đột định dạng hay sai khác về cách hiểu.

3.6. Dùng chung: Thực hiện thu thập trên hệ thống tập trung hoặc theo định dạng chuẩn được Bộ quy định, để các dữ liệu thu thập có thể chia sẻ dùng chung ngay từ đầu.

4. Thẩm quyền và trách nhiệm thu thập

Các đơn vị tuyến cơ sở chịu trách nhiệm thu thập thông tin về các đối tượng tiêm chủng tiêm tại đơn vị hoặc thuộc thẩm quyền quản lý cấp địa phương.

5. Quy trình thu thập thông tin ban đầu

5.1. Quá trình thu thập dữ liệu lần đầu đối với một đối tượng quản lý mới được thực hiện về cơ bản theo các bước sau:

Bước 1. Cán bộ tiêm chủng tuyến cơ sở thực hiện thu thập thông tin đối tượng đến sinh tại cơ sở hoặc tiêm chủng tại cơ sở. Thông tin thu thập bao gồm

các trường thông tin theo quy định danh mục thông tin cơ bản của Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia.

Bước 2. Cán bộ tiêm chủng tuyến cơ sở căn cứ thông tin đối tượng tiêm chủng cung cấp thực hiện nhập liệu vào Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia. Nhập đúng, đủ, chính xác các thông tin vào Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia.

Bước 3. Thực hiện ký số dữ liệu đối tượng tiêm chủng.

Bước 4. Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia gửi dữ liệu đã được ký số sang hệ thống CSDL Quốc gia về dân cư để rà soát và làm sạch dữ liệu. Rà soát làm sạch dữ liệu và đánh dấu đối tượng đã được làm sạch dữ liệu trên phần mềm Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia với các trường hợp sau:

- Đối tượng tiêm chủng đã được ký số dữ liệu.
- Đối tượng tiêm chủng có mã số định danh cá nhân, số Căn cước công dân (CCCD) hoặc hộ chiếu.
- Đối tượng tiêm chủng không có mã số định danh cá nhân, số Căn cước công dân (CCCD) hoặc hộ chiếu.
- Đối tượng tiêm chủng có mã số định danh cá nhân, số Căn cước công dân (CCCD) hoặc hộ chiếu bị sai.

5.2. Thu thập thông tin từ các nguồn dữ liệu khác

a) Từ công tác rà soát tiêm chủng trên địa bàn quản lý: Khi tổ chức thực hiện các công tác rà soát tiêm chủng trên địa bàn quản lý, cán bộ tiêm chủng tuyến cơ sở có trách nhiệm rà soát và đối chiếu kiểm tra thông tin trên hệ thống. Nếu thông tin chưa có thì tiến hành thu thập cập nhật ngay thông tin; nếu thông tin của đối tượng đã có những thay đổi thì tiến hành cập nhật trên Hệ thống.

b) Từ các CSDL Quốc gia, chuyên ngành khác: Đối với dữ liệu về các đối tượng thuộc bộ, ban, ngành khác quản lý, hệ thống chuyên ngành Y tế thực hiện kết nối liên thông xác thực kết nối bảo đảm theo các quy định hiện hành.

6. Quy trình Quản lý đối tượng trên Hệ thống

6.1. Tạo mới đối tượng:

Đối tượng tiêm chủng phải được thu thập đầy đủ thông tin tiêm chủng, đảm bảo không trùng lặp đối tượng trước khi đăng ký vào Hệ thống.

6.2. Cập nhật thông tin đối tượng:

a) Thông tin cá nhân và lịch sử tiêm chủng của đối tượng tiêm chủng phải được cập nhật đầy đủ, chính xác vào Hệ thống.

b) Khi thực hiện các bước tiêm chủng, đơn vị thực hiện tiêm chủng phải nhập thông tin mới của đối tượng tiêm chủng ngay trong buổi tiêm. Đối với các điểm tiêm chủng ngoài trạm tại miền núi, vùng sâu, vùng xa không có máy tính

và Internet, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc buổi tiêm phải thực hiện nhập thông tin của đối tượng tiêm chủng vào Hệ thống.

c) Đối với các thông tin về phản ứng sau tiêm chủng, phải được cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác sau khi phát hiện.

6.3. Rà soát các đối tượng:

Cơ sở tiêm chủng phải thực hiện rà soát hàng tuần để đảm bảo không trùng lặp đối tượng.

6.4. Lọc trùng đối tượng:

a) Không được xóa đối tượng đã có lịch sử tiêm chủng, trừ trường hợp đối tượng trùng lặp trên Hệ thống. Đối tượng tiêm chủng được giữ lại trên Hệ thống phải được giữ lại lịch sử tiêm chủng và cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin của đối tượng tiêm chủng. Mã số đối tượng đã giữ lại trên Hệ thống phải được cung cấp cho đối tượng tiêm chủng.

b) Việc xóa đối tượng sẽ được Hệ thống tự động sao lưu dữ liệu và được gửi thông tin đối tượng đã xóa tới đơn vị đang, đồng thời quản lý trên Hệ thống.

c) Chỉ có Trạm Y tế xã trực tiếp quản lý mới có quyền lọc trùng đối tượng.

- Trường hợp trùng lặp từ 02 đối tượng trở lên trong cùng địa bàn xã, Trạm Y tế xã có trách nhiệm rà soát, xác định chính xác thông tin đối tượng và thực hiện việc xóa đối tượng, đảm bảo duy nhất 01 đối tượng trên Hệ thống.

- Trường hợp trùng lặp đối tượng từ 02 xã trở lên đang quản lý, trong cùng địa bàn tỉnh, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh có trách nhiệm rà soát, xác định chính xác thông tin đối tượng và chỉ đạo Trạm Y tế xã trực tiếp quản lý thực hiện việc xóa đối tượng, đảm bảo duy nhất 01 đối tượng trên Hệ thống.

- Trường hợp trùng lặp đối tượng từ 02 tỉnh trở lên thuộc cùng 01 khu vực Viện Vệ sinh dịch tễ/Pasteur khu vực hiện đang quản lý, có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị giải quyết, đảm bảo duy nhất 01 đối tượng trên Hệ thống.

- Trường hợp trùng lặp đối tượng từ 02 tỉnh trở lên thuộc các khu vực khác nhau, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương (Văn phòng Chương trình tiêm chủng quốc gia) có trách nhiệm chỉ đạo Viện Vệ sinh dịch tễ/Pasteur khu vực và các đơn vị liên quan giải quyết, đảm bảo duy nhất 01 đối tượng trên Hệ thống.

6.5. Đối với các đối tượng tử vong hoặc không sinh sống tại Việt Nam trong 06 tháng, Trạm Y tế có trách nhiệm cập nhật trạng thái tạm ngừng gọi tiêm trên Hệ thống trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được thông tin.

6.6. Trong trường hợp có sự cố về Hệ thống phải thông báo ngay cho Viện Vệ sinh dịch tễ/Pasteur, Cục Phòng bệnh, Tổng đài của đơn vị xây dựng Hệ thống để kịp thời hỗ trợ, giải quyết. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi khắc phục xong sự cố, đơn vị thực hiện tiêm chủng phải thực hiện cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin đối tượng đã tiêm chủng vào Hệ thống.

7. Nguyên tắc về quy trình cập nhật, bổ sung thông tin

Quy trình cập nhật, chỉnh sửa thông tin (khi có biến động thực tế hoặc phát hiện sai sót), việc lồng ghép các tiêu chí chất lượng dữ liệu giúp duy trì và nâng cao chất lượng CSDL Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia. Mỗi bước xử lý biến động cần tính đến và bảo đảm các tiêu chí về chất lượng dữ liệu như sau:

7.1. Đúng: Mọi thông tin cập nhật phải có căn cứ xác thực để bảo đảm tính chính xác. Cán bộ chỉ thực hiện cập nhật sau khi đã xác minh đầy đủ. Tuyệt đối không cập nhật dựa trên suy đoán hoặc thông tin chưa kiểm chứng, nhằm giữ cho dữ liệu luôn đúng với thực tế.

7.2. Đủ: Khi bổ sung, chỉnh sửa, phải bổ sung đầy đủ tất cả thông tin liên quan đến biến động đó. Tránh tình trạng chỉ cập nhật một phần, bỏ sót các trường dữ liệu khác khiến hồ sơ không hoàn chỉnh.

7.3. Sạch: Quá trình cập nhật phải đi đôi với làm sạch dữ liệu. Thông tin cũ, lỗi thời cần được xóa hoặc lưu vào lịch sử khi có thông tin mới thay thế, tránh để dữ liệu mâu thuẫn hoặc trùng lặp. Nếu phát hiện dữ liệu sai (do nhập nhầm, lỗi hệ thống), phải chỉnh sửa kịp thời. Sau mỗi lần cập nhật, cán bộ cần kiểm tra lại để chắc chắn không còn lỗi phát sinh và toàn bộ dữ liệu vẫn sạch sẽ, rõ ràng.

7.4. Sống: Bảo đảm cập nhật nhanh chóng, đúng hạn ngay khi có biến động. CSDL Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia chỉ có giá trị khi phản ánh đúng hiện trạng; do đó, tiêu chí “sống” yêu cầu không được chậm trễ.

7.5. Thống nhất: Khi cập nhật, phải tuân thủ cấu trúc và định dạng thống nhất của hệ thống. Thông tin mới nhập vào không được làm sai lệch quy cách chung. Nếu có thay đổi về danh mục dùng chung (chẳng hạn đổi tên đơn vị hành chính), cần cập nhật đồng bộ trên toàn hệ thống để các phần dữ liệu liên quan đều thống nhất.

7.6. Dùng chung: Các thông tin sau khi cập nhật cần được chia sẻ hoặc đồng bộ với những nơi liên quan.

8. Nguyên tắc cập nhật biến động

Dữ liệu chuyên ngành chỉ có giá trị khi nó là dữ liệu "sống". Do đó, mọi biến động thực tế phải được phản ánh vào hệ thống trong thời gian ngắn nhất. Các loại biến động bao gồm:

8.1. Biến động về pháp lý: khi có thay đổi về văn bản quy phạm pháp luật, chính sách

8.2. Biến động về trạng thái: khi có thay đổi về thông tin cá nhân đối tượng tiêm chủng, thông tin mũi tiêm đã được tiêm của đối tượng tiêm chủng.

9. Quy trình cập nhật thông tin

Quá trình quy trình cập nhật, chỉnh sửa thông tin (khi có biến động thực tế) được thực hiện về cơ bản theo quy trình sau:

9.1. Phát hiện thay đổi:

Cán bộ tiêm chủng tại tuyến cơ sở thông qua công tác rà soát, giám sát, nắm tình hình thực tế, hoặc tiếp nhận thông báo từ đối tượng tiêm chủng trên địa bàn quản lý, phát hiện có sự thay đổi thông tin.

9.2. Chỉnh sửa thông tin:

Cán bộ tiêm chủng tại tuyến cơ sở cập nhật thông tin thay đổi lên Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia.

a) Hệ thống sẽ tự động lưu lại lịch sử thay đổi gồm: Người sửa, thời gian sửa, nội dung sửa.

b) Lưu thông tin cập nhật thông tin vào hồ sơ lưu trữ.

c) Thực hiện ký số dữ liệu đối tượng tiêm chủng.

d) Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia gửi dữ liệu cập nhật đã được ký số sang hệ thống CSDL Quốc gia về dân cư để rà soát và làm sạch dữ liệu.

10. Chỉnh sửa thông tin do sai sót

10.1. Trường hợp cơ quan quản lý phát hiện thông tin trong CSDL có sai sót so với hồ sơ gốc (do lỗi nhập liệu, lỗi hệ thống): Cán bộ lập biên bản về việc sai sót, báo cáo Thủ trưởng đơn vị phê duyệt, sau đó thực hiện chỉnh sửa ngay.

10.2. Trường hợp tổ chức, cá nhân phát hiện thông tin của mình trên hệ thống bị sai lệch:

a) Tổ chức, cá nhân gửi yêu cầu chỉnh sửa kèm tài liệu chứng minh.

b) Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý (trong thời hạn 01 ngày làm việc).

c) Nếu có căn cứ: Lập Phiếu cập nhật thông tin trình lãnh đạo duyệt sửa.

d) Nếu không có căn cứ: Trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không sửa.

11. Nguyên tắc chung về quy trình kiểm tra và phúc tra dữ liệu

Phúc tra dữ liệu là khâu “hậu kiểm” quan trọng nhằm đánh giá và nâng cao chất lượng của CSDL Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia sau quá trình thu thập và cập nhật, bảo đảm các yếu tố sau:

11.1. Đúng: Tiến hành đối chiếu, xác minh để kiểm tra tính chính xác của dữ liệu. Đoàn phúc tra cần so sánh dữ liệu trên hệ thống với hồ sơ gốc, giấy tờ lưu trữ và kiểm tra thực tế hiện trường (nếu cần) nhằm phát hiện dữ liệu nào chưa đúng. Mọi thông tin sai lệch phải được ghi nhận và hiệu chỉnh ngay sau phúc tra, bảo đảm CSDL Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia trở về trạng thái chính xác tuyệt đối.

11.2. Đủ: Rà soát CSDL Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia để phát hiện những trường thông tin bị thiếu hoặc chưa được cập nhật. Sau phúc tra, đơn vị quản lý phải bổ sung đầy đủ các thông tin còn thiếu này. Tiêu chí “Đủ” bảo đảm rằng mỗi hồ sơ sau phúc tra đều có đầy đủ các mục thông tin theo quy định, không còn tình trạng thiếu sót.

11.3. Sạch: Phúc tra nhằm làm sạch toàn diện dữ liệu. Có thể sử dụng các

công cụ hoặc kiểm tra thủ công để phát hiện dữ liệu trùng lặp, dữ liệu ảo, dữ liệu sai logic hoặc không hợp lệ. Những dữ liệu “bẩn” này phải được xóa bỏ hoặc hiệu chỉnh, chuẩn hóa ngay. Kết quả phúc tra cần trả về một CSDL Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia “sạch” hoàn toàn – tức không còn lỗi kỹ thuật hay sai phạm nội dung.

11.4. Sống: Kiểm tra phát hiện những “dữ liệu chết” – tức các bản ghi lâu ngày không có bất kỳ biến động cập nhật nào. Đối với các dữ liệu này, đoàn phúc tra sẽ xác minh xem đối tượng còn tồn tại hay hoạt động thực tế không. Nếu đối tượng đã ngưng hoạt động hoặc không còn, cần cập nhật trạng thái mới hoặc loại bỏ khỏi cơ sở dữ liệu. Mục tiêu là sau phúc tra, CSDL Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia chỉ chứa dữ liệu “sống”: mọi hồ sơ đều đại diện cho các đối tượng đang hiện hữu và ở trạng thái cập nhật mới nhất.

11.5. Thống nhất: Phúc tra cũng nhằm bảo đảm tính thống nhất của dữ liệu trên toàn hệ thống. Điều này bao gồm việc kiểm tra sự khớp đúng giữa dữ liệu điện tử và hồ sơ giấy (bảo đảm nhập liệu không sai sót), cũng như sự thống nhất giữa các phần dữ liệu trong hệ thống. Nếu phát hiện chỗ nào chưa thống nhất, cần điều chỉnh để đồng bộ hoàn toàn.

11.6. Dùng chung: Cuối cùng, phúc tra đánh giá khả năng chia sẻ và khai thác dữ liệu của hệ thống. Đoàn phúc tra kiểm tra xem dữ liệu đã được kết nối liên thông với các hệ thống khác chưa. Sau phúc tra, những rào cản về dùng chung (nếu có) phải được khắc phục: dữ liệu đủ điều kiện chia sẻ sẽ được mở khóa hoặc đồng bộ, bảo đảm CSDL Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia có thể phục vụ dùng chung cho nhiều đơn vị một cách thông suốt, đúng quy định.

12. Mục đích và các cấp phúc tra

12.1. Mục đích: Phúc tra là hoạt động rà soát, kiểm tra lại toàn bộ hoặc một phần dữ liệu đã được thu thập, cập nhật nhằm phát hiện các sai sót, giả mạo, hoặc vi phạm quy trình, từ đó làm sạch dữ liệu và chấn chỉnh đội ngũ cán bộ.

12.2. Các cấp phúc tra:

- a) Cục Phòng bệnh: Phúc tra dữ liệu của các đơn vị trực thuộc Bộ.
- b) Các đơn vị chuyên ngành: Phúc tra dữ liệu của phòng, ban trực thuộc và các đơn vị, doanh nghiệp liên quan.

13. Phương thức phúc tra

Để bảo đảm tính toàn diện, hoạt động phúc tra được thực hiện kết hợp 03 phương thức:

13.1. Phúc tra trên hệ thống phần mềm

Sử dụng các công cụ rà quét tự động hoặc tra cứu thủ công trên phần mềm quản trị CSDL Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia để phát hiện các trường hợp nghi vấn:

- a) Dữ liệu trùng lặp.
- b) Dữ liệu thiếu thông tin: Các trường thông tin bắt buộc bị bỏ trống.

c) Dữ liệu phi logic.

d) Dữ liệu "chết": Các hồ sơ không có bất kỳ cập nhật biến động nào trong vòng 1 khoảng thời gian nhất định - phù hợp với tính chất của từng đối tượng (cần xác minh xem đối tượng còn hoạt động không).

13.2. Phúc tra qua hồ sơ lưu trữ:

Tiến hành chọn mẫu ngẫu nhiên (tối thiểu 5% tổng số hồ sơ) để đối chiếu giữa dữ liệu điện tử trên hệ thống và Hồ sơ lưu trữ chuyên ngành lưu tại đơn vị.

a) Yêu cầu: Thông tin trên hệ thống phải trùng khớp 100% với hồ sơ giấy.

b) Nếu phát hiện sai lệch: Lập biên bản, yêu cầu giải trình rõ nguyên nhân (do nhập sai hay do hồ sơ giấy bị sửa chữa).

13.3. Phúc tra thực tế hiện trường:

Phúc tra trực tiếp xuống hiện trường để xác minh tính "Sống" và "Đúng" của dữ liệu.

14. Quy trình xử lý kết quả phúc tra

14.1. Lập Biên bản phúc tra: Kết thúc đợt kiểm tra phải lập biên bản, nêu rõ số lượng hồ sơ đã kiểm tra, số lượng hồ sơ sai sót, phân loại lỗi (lỗi kỹ thuật, lỗi quy trình, hay lỗi cố ý).

14.2. Khắc phục sai sót:

a) Đối với lỗi kỹ thuật/nhập liệu: Yêu cầu đơn vị được kiểm tra tiến hành chỉnh sửa (theo quy trình tại Mục 10) trong thời hạn **24 giờ**.

b) Đối với dữ liệu ảo, dữ liệu rác: Yêu cầu hủy bỏ hoặc chuẩn hóa ngay lập tức.

14.3. Kiến nghị xử lý:

a) Nếu phát hiện hành vi cố ý làm sai lệch hồ sơ, che giấu thông tin: Kiến nghị xử lý kỷ luật đối với cán bộ nhập liệu và lãnh đạo đơn vị theo quy định của ngành và pháp luật.

b) Kết quả phúc tra là tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI) của cơ quan, đơn vị.

15. Bảo mật

15.1. An toàn thông tin: phải bảo đảm bảo mật an toàn thông tin cấp độ 3. Toàn bộ tài khoản trên hệ thống bắt buộc bật xác thực hai lớp (xác thực đa yếu tố - MFA) theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin.

- Thực hiện xác thực bảo mật hai lớp bắt buộc trên Hệ thống. Đối với các tài khoản đã đăng ký xác thực hai lớp trước đây, thực hiện xóa cấu hình xác thực cũ và đăng ký, phê duyệt lại theo quy trình mới.

- Tất cả các đơn vị khi truy cập, sử dụng Hệ thống thực hiện nghiêm túc việc quản lý, phân công nhiệm vụ trách nhiệm từng cá nhân tại đơn vị để sử dụng tài khoản của đơn vị truy cập, sử dụng Hệ thống bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin.

- Chỉ sử dụng thiết bị cá nhân hoặc thiết bị được đơn vị quản lý để cài đặt ứng dụng xác thực. Không chia sẻ tài khoản, mật khẩu hoặc mã xác thực hai lớp cho người khác không được giao phụ trách dưới bất kỳ hình thức nào. Trong trường hợp thay đổi thiết bị hoặc nghi ngờ tài khoản bị lộ thông tin, đề nghị liên hệ ngay với đơn vị cấp quản lý để được xử lý kịp thời.

15.2. Giới hạn số lần tìm kiếm: Mặc định 100 lần/ngày/tài khoản, cho phép cấu hình thay đổi số lần cho từng tài khoản, quyền cấu hình sẽ giao cho cấp tỉnh và cấp Trung ương.

Phụ lục II
HƯỚNG DẪN KẾT NỐI, CHIA SẺ VÀ LIÊN THÔNG DỮ LIỆU
GIỮA CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN CỦA CƠ SỞ Y TẾ
VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ THÔNG TIN TIÊM CHỦNG QUỐC GIA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PB ngày tháng năm 2026
của Cục trưởng Cục Phòng bệnh)

1. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ và liên thông dữ liệu

a) Hệ thống Quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia là hệ thống mở, sẵn sàng kết nối với:

- CSDL Quốc gia về dân cư.
- CSDL tổng hợp Quốc gia.
- Các CSDL của các đơn vị trong hệ thống chính trị khác có liên quan.

b) Việc chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ các quy định pháp luật về bảo đảm, bảo mật an toàn thông tin và các quy định pháp luật hiện hành liên quan.

2. Yêu cầu liên thông/tích hợp

Bước 1: Cơ sở tiêm chủng có yêu cầu tích hợp với hệ thống thông tin tiêm chủng Quốc gia qua API thực hiện gửi văn bản lên Sở Y tế tỉnh/thành phố (báo cáo Cục Phòng bệnh) để yêu cầu cấp tài khoản, cấu hình IP được phép kết nối và tài liệu mô tả API liên thông.

Bước 2: Sở Y tế tỉnh/thành phố sau khi nhận được văn bản yêu cầu từ cơ sở tiêm chủng, thực hiện xem xét, đánh giá và cấp tài khoản tích hợp, cấu hình IP được phép kết nối, phân quyền API cho tài khoản tích hợp, tài liệu mô tả API cho Cơ sở tiêm chủng nếu hồ sơ cơ sở tiêm chủng hợp lệ. Thông tin cung cấp cho Cơ sở tiêm chủng bao gồm:

- Đường link chính thức phục vụ cho việc tích hợp API internet:

<https://api-tcdv.vncdc.gov.vn>

- Tài khoản tích hợp. Tài khoản này có thể vừa là tài khoản truy cập Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia vừa là tài khoản sử dụng để tích hợp API.

Ví dụ: hn_dv_phongtiemloduc/123456a@

3. Phương thức kết nối và quy tắc

- Web API RESTful: Sử dụng để gửi/nhận dữ liệu

Quy tắc	Mô tả
URL	https://api-tcdv.vncdc.gov.vn
Token	Chuỗi xác thực ứng dụng

- URL: Giá trị url được thay đổi theo thực tế.
- Token: Giá trị token được thay đổi theo thực tế.

4. Mô tả các API

a) API đăng nhập (token)

- Thông tin:

Url	https://api-tcdv.vncdc.gov.vn/auth
Phương thức	POST
Định dạng dữ liệu	JSON
Authentication	Không yêu cầu token

- Ý nghĩa: API này dùng để đăng nhập lấy token trên hệ thống. Token có hiệu lực 6 giờ, khoảng cách được lấy token cách lần gần nhất là 15 phút.

b) API thêm mới đối tượng

- Thông tin:

Url	https://api-tcdv.vncdc.gov.vn/doi_tuong_tiem
Phương thức	POST
Định dạng dữ liệu	JSON
Authentication	Bearer {token}

- Ý nghĩa: API cho phép đối tác thực hiện thêm mới đối tượng.

5. Chuẩn định dạng dữ liệu kết nối qua cổng API

TT	Tên chỉ tiêu trường thông tin	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
I	THÔNG TIN HÀNH CHÍNH ĐỐI TƯỢNG TIÊM CHỦNG					
1	Mã số định danh đối tượng	SoDinhDanh	x	Chuỗi	15	Ghi mã số định danh cá nhân/căn cước công dân/số chứng minh thư nhân dân hoặc số hộ chiếu
2	Họ và tên đối tượng	HoVaTen	x	Chuỗi	255	Họ, chữ đệm và tên khai sinh
3	Tên gọi khác	TenKhac		Chuỗi	255	Tên gọi khác
4	Ngày, tháng, năm sinh đối tượng	NgayThangNamSinh	x	Chuỗi	12	Ghi ngày, tháng, năm sinh ghi của đối tượng, gồm 12 ký tự, bao gồm: 02 ký tự ngày + 02 ký tự tháng + 04 ký tự năm. Định dạng DD/MM/YYYY.
5	Giới tính đối tượng	GioiTinh	x	Số	1	Giới tính theo danh mục: 0 - Giới tính nam 1 - Giới tính nữ 2 - Giới tính chưa xác định
6	Mã dân tộc	MaDanToc	x	Chuỗi	5	Ghi mã dân tộc của đối tượng (thực hiện theo Danh mục các dân tộc Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 121- TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê để điền chi tiết).
7	Tôn giáo	TonGiao		Chuỗi	5	Ghi mã tôn giáo của đối tượng (thực hiện theo Danh mục tôn giáo Căn cứ Quyết định số 1019/QĐ-TCTK ngày 12 tháng 11 năm 2008 của Tổng cục Thống kê)
8	Nhóm máu	NhomMau		Chuỗi	5	Ghi thông tin nhóm máu đối tượng tiêm chủng
9	Địa chỉ chi tiết nơi sinh	DiaChiChiTietNoiSinh		Chuỗi	500	Ghi địa chỉ nơi sinh của đối tượng.

TT	Tên chỉ tiêu trường thông tin	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
10	Mã tỉnh nơi sinh	MaTinhNoiSinh	x	Chuỗi	3	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi sinh; ghi theo 02 ký tự của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
11	Mã xã nơi sinh	MaXaNoiSinh	x	Chuỗi	5	Mã đơn vị hành chính cấp xã, phường nơi sinh; ghi theo 05 ký tự của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
12	Địa chỉ chi tiết nơi khai sinh	DiaChiChiTietNoiDKKhaiSinh		Chuỗi	500	Ghi địa chỉ nơi khai sinh của đối tượng.
13	Mã tỉnh nơi khai sinh	MaTinhNoiDKKhaiSinh	x	Chuỗi	3	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi khai sinh; ghi theo 02 ký tự của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
14	Mã xã nơi khai sinh	MaXaNoiDKKhaiSinh	x	Chuỗi	5	Mã đơn vị hành chính cấp xã, phường nơi khai sinh; ghi theo 05 ký tự của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

TT	Tên chỉ tiêu trường thông tin	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
15	Địa chỉ chi tiết quê quán	QueQuanNoiDKKhaiSinh		Chuỗi	500	Ghi địa chỉ chi tiết quê quán của đối tượng.
16	Mã tỉnh quê quán	MaTinhQueQuan	x	Chuỗi	3	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh quê quán; ghi theo 02 ký tự của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
17	Mã xã quê quán	MaXaQueQuan	x	Chuỗi	5	Mã đơn vị hành chính cấp xã, phường quê quán; ghi theo 05 ký tự của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
18	Địa chỉ chi tiết nơi thường trú	DiaChiChiTietNoiThuongTru		Chuỗi	500	Ghi địa chỉ chi tiết nơi thường trú của đối tượng.
19	Mã tỉnh nơi thường trú	MaTinhNoiThuongTru	x	Chuỗi	3	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi thường trú; ghi theo 02 ký tự của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
20	Mã xã nơi thường trú	MaXaNoiThuongTru	x	Chuỗi	5	Mã đơn vị hành chính cấp xã, phường nơi thường trú; ghi theo 05 ký tự của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng

TT	Tên chỉ tiêu trường thông tin	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
						Chính phủ về Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
21	Địa chỉ chi tiết nơi ở hiện tại	DiaChiChiTiet NoiOHienTai		Chuỗi	500	Ghi địa chỉ chi tiết nơi ở hiện tại của đối tượng.
22	Mã tỉnh nơi ở hiện tại	MaTinhNoiOHienTai	x	Chuỗi	3	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi ở hiện tại; ghi theo 02 ký tự của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
23	Mã xã nơi ở hiện tại	MaXaNoiOHienTai	x	Chuỗi	5	Mã đơn vị hành chính cấp xã, phường nơi ở hiện tại; ghi theo 05 ký tự của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
24	Tình trạng đối tượng tiêm chủng	LoaiTrangThai		Chuỗi	4	Loại trạng thái theo danh mục - 0: Chưa có thông tin - 1: Đang sống - 2: Đã chết - 3: Đã mất tích
25	Giấy tờ định danh cá nhân	LoaiGiayTo		Chuỗi	100	Loại giấy tờ cá nhân theo danh mục - 1: Giấy khai sinh - 2: Chứng minh nhân dân - 3: Giấy chứng minh sỹ quan quân đội nhân dân Việt Nam

TT	Tên chỉ tiêu trường thông tin	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
						- 4: Giấy chứng minh công an nhân dân - 5: Căn cước công dân - 6: Hộ chiếu - 7: Số hộ khẩu - 8: Các loại giấy tờ tùy thân khác
26	Số giấy tờ xuất nhập cảnh	SoGiayToXNC		Chuỗi	100	Số giấy tờ của người nước ngoài được sử dụng nhập cảnh vào Việt Nam
27	Giấy tờ định danh cá nhân	LoaiGiayToXNC		Chuỗi	100	Loại giấy tờ xuất nhập cảnh gồm hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế - PT: Hộ chiếu phổ thông - NG: Hộ chiếu ngoại giao - CV: Hộ chiếu công vụ - KH: Khác
28	Tên bố đối tượng tiêm chủng	TenBo		Chuỗi	255	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của bố đối tượng tiêm chủng
29	Năm sinh bố đối tượng tiêm chủng	NamSinhBo		Chuỗi	4	Ghi năm sinh ghi của bố đối tượng tiêm chủng, gồm 4 ký tự, bao gồm: 04 ký tự năm. Định dạng YYYY.
30	Căn cước công dân/Mã số định danh bố đối tượng tiêm chủng	CMTBo		Chuỗi	15	Ghi mã số định danh cá nhân/căn cước công dân/số chứng minh thư nhân dân hoặc số hộ chiếu của bố đối tượng tiêm chủng.
31	Tên mẹ đối tượng tiêm chủng	TenMe		Chuỗi	255	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của mẹ đối tượng tiêm chủng

TT	Tên chỉ tiêu trường thông tin	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
32	Năm sinh mẹ đối tượng tiêm chủng	NamSinhMe		Chuỗi	4	Ghi năm sinh ghi của mẹ đối tượng tiêm chủng, gồm 4 ký tự, bao gồm: 04 ký tự năm. Định dạng YYYY.
33	Căn cước công dân/Mã số định danh mẹ đối tượng tiêm chủng	CMTMe		Chuỗi	15	Ghi mã số định danh cá nhân/căn cước công dân/số chứng minh thư nhân dân hoặc số hộ chiếu của mẹ đối tượng tiêm chủng.
34	Tên người bảo hộ đối tượng tiêm chủng	TenNguoiBaoHo		Chuỗi	255	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của người bảo hộ tiêm chủng
35	Năm sinh người bảo hộ đối tượng tiêm chủng	NamSinhNguoiBaoHo		Chuỗi	4	Ghi năm sinh ghi của người bảo hộ đối tượng, gồm 4 ký tự, bao gồm: 04 ký tự năm. Định dạng YYYY.
36	Căn cước công dân/Mã số định danh người bảo hộ đối tượng tiêm chủng	CMTNguoiBaoHo		Chuỗi	15	Ghi mã số định danh cá nhân/căn cước công dân/số chứng minh thư nhân dân hoặc số hộ chiếu của người bảo hộ đối tượng.
37	Quốc tịch đối tượng tiêm	QuocTich		Chuỗi	4	Mã quốc gia Căn cứ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7217-1 : 2007 (ISO 3166-1 : 2006)
II	THÔNG TIN MŨI TIÊM					
38	Vắc xin tiêm	TenVacXin	x	Chuỗi	150	Tên vắc xin tiêm lần này
39	Ngày tiêm	NgayTiem	x	Chuỗi	12	Ghi ngày, tháng, năm tiêm lần này, gồm 12 ký tự, bao gồm: 02 ký tự ngày + 02 ký tự tháng + 04 ký tự năm.

TT	Tên chỉ tiêu trường thông tin	Thuộc tính	Bắt buộc	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
						Định dạng DD/MM/YYYY.
40	Thứ tự mũi tiêm	ThuTuMuiTiem	x	Số	1	Thứ tự mũi tiêm
41	Số lô vắc xin tiêm	SoLo		Chuỗi	20	Ghi lô vắc xin tiêm lần này
42	Cơ sở tiêm chủng	CoSoTiem	x	Chuỗi	255	Tên cơ sở tiêm chủng lần này
43	Phản ứng sau tiêm	PhanUngSauTiem		Chuỗi	255	Phản ứng sau tiêm chủng của lần tiêm này
44	Kháng nguyên	KhangNguyen	x	Chuỗi	255	Kháng nguyên theo vắc xin